

Số: ~~1238~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày ~~18~~ tháng 3 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ  
lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết  
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện,  
UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 55/TTr- SNN ngày 07/3/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó 02 thủ tục hành chính cấp Sở; 04 thủ tục hành chính dùng chung cho cấp Sở, cấp huyện; bãi bỏ 30 thủ tục hành chính, trong đó 04 thủ tục hành chính cấp Sở, 24 thủ tục hành chính cấp huyện và 02 thủ tục hành chính cấp xã. *(chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính sau đây hết hiệu lực:

Các thủ tục từ số 01 đến số 23 mục VIII, lĩnh vực Nông nghiệp phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Các thủ tục số 01, 02 mục IX lĩnh vực nông nghiệp phụ lục kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Các thủ tục số 35, 71, 72, 73 điểm A, mục I, lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản – thủy sản; thủ tục số 03 điểm B, mục I phụ lục kèm Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

Quyết định số 3580/QĐ-UBND ngày 13/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội hết hiệu lực.



**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBTP: CVP, các PCVP: L.T. Lực, V.T.Anh,  
Các phòng: TKBT, KT, KSTTHC, TTTH-CB;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, KSTTHC<sub>(Quyên)</sub>.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Chung**

746 (65)

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **1238** /QĐ-UBND ngày **18** tháng 3 năm 2019 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Căn cứ pháp lý
<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản</b>					
1	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	01 ngày làm việc	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội	Trực tiếp hoặc qua đường điện;	- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	- Đối với phương thức kiểm tra chặt: 07 ngày làm việc. - Đối với	Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Hà Nội; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di,	Trực tiếp hoặc qua đường điện;	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 39/2018/TT-BNN PTNT ngày 27/12/2018

		phương thức kiểm tra thông thường: 03 ngày làm việc.	phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội		của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. - Quyết định 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (TTHC chung cho cấp sở, cấp huyện)	1. Trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 2. Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Cơ quan được phân công theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố, bao gồm: 1. Cấp Sở: Tiếp nhận tại Bộ phận một cửa các chi cục theo lĩnh vực được phân công: - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội - Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, Hà Nội. - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Tổ 44, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Chi cục Thủy sản; Địa chỉ: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. 2. Cấp huyện: tiếp nhận tại Bộ	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Theo đường bưu điện; - Đăng ký trực tuyến; - Thư điện tử - Fax;	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố.

			phận Một cửa UBND cấp huyện; phòng Kinh tế thực hiện.		
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn). (TTHC chung cho cấp sở, cấp huyện)	1. Trường hợp cơ sở đã được thẩm định và xếp loại A hoặc B: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 2. Trường hợp cơ sở chưa được thẩm định, xếp loại: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Cơ quan được phân công theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố, bao gồm: 1. Cấp Sở: Tiếp nhận tại Bộ phận một cửa các chi cục theo lĩnh vực được phân công: - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội - Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, Hà Nội. - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Tổ 44, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Chi cục Thủy sản; Địa chỉ: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. 2. Cấp huyện: tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; phòng Kinh tế thực hiện.	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp - Theo đường bưu điện; - Đăng ký trực tuyến; - Thư điện tử - Fax;	- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Quyết định 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố.

5	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận <i>(TTHC chung cho cấp sở, cấp huyện.)</i> )	05 ngày làm việc;	<p>Cơ quan được phân công theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố, bao gồm:</p> <p>1. Cấp Sở: Tiếp nhận tại Bộ phận một cửa các chi cục theo lĩnh vực được phân công:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội</li> <li>- Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, Hà Nội.</li> <li>- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Tổ 44, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội</li> <li>- Chi cục Thủy sản; Địa chỉ: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.</li> </ul> <p>2. Cấp huyện: tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; phòng Kinh tế thực hiện.</p>	Hồ sơ gửi bằng một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Theo đường bưu điện; - Đăng ký trực tuyến; - Thư điện tử; - Fax;	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Quyết định 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố.</li> </ul>
6	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp	13 ngày làm việc, trong đó:	Cơ quan được phân công theo Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND	Hồ sơ gửi bằng một trong các	- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014 của

	sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (TTHC chung cho cấp sở, cấp huyện.)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lập Kế hoạch xác nhận kiến thức: 10 ngày làm việc;</li> <li>- Cấp giấy xác nhận: 03 ngày làm việc kể từ ngày kiểm tra kiến thức về ATTP.</li> </ul>	<p>Thành phố, bao gồm:</p> <p>1. Cấp Sở: Tiếp nhận tại Bộ phận một cửa các chi cục theo lĩnh vực được phân công:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Địa chỉ: 143 Hồ Đắc Di, phường Quang Trung, quận Đống Đa, Hà Nội</li> <li>- Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Địa chỉ: Số 88, đường Lê Trọng Tấn, quận Hà Đông, Hà Nội.</li> <li>- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Địa chỉ: Tổ 44, Phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, Hà Nội</li> <li>- Chi cục Thủy sản; Địa chỉ: xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội.</li> </ul> <p>2. Cấp huyện: tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện; phòng Kinh tế thực hiện.</p>	<p>hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Theo đường bưu điện;</li> <li>- Đăng ký trực tuyến;</li> <li>- Thư điện tử</li> <li>- Fax;</li> </ul>	<p>Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Công thương, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Quyết định 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</li> <li>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Quyết định số 2582/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 của UBND Thành phố.</li> </ul>
--	--	--	--	--	---

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

TT	Thứ tự TTHC bị bãi bỏ tại Quyết định công bố	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
----	--	------------------------	---------------------------------

<b>của UBND Thành phố</b>			
<b>A</b>	<b>Thủ tục hành chính cấp Sở</b>		
	<b>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản – Thủy sản</b>		
1	Số 35 mục A, phụ lục kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND Thành phố	Kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Quyết định 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
2	Số 71 mục A, phụ lục kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (cấp mới; cấp lại khi sắp hết hạn; cấp lại trong trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh)	Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
3	Số 72 mục A, phụ lục kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND Thành phố	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận. Riêng trường hợp thay đổi, bổ sung địa điểm sản xuất kinh doanh; bổ sung ngành nghề kinh doanh thì thực hiện theo trình tự thủ tục cấp mới)	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
4	Số 73 mục A, phụ lục kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND Thành phố	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm	- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT
<b>B</b>	<b>Thủ tục hành chính UBND cấp huyện</b>		
	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>		
1	Số 03 mục B, phụ lục kèm theo Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá	- Thông tư số 23/2013/TT-BNNPTNT ngày 04/5/ 2013 của Bộ Nông nghiệp và



	15/02/2019 của UBND Thành phố	nhân, cộng đồng dân cư thôn)	Phát triển nông thôn.
2	Số 01 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Cấp chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc thú y.	- Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.
3	Số 02 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận vệ sinh thú y (cơ sở ấp trứng và chăn nuôi thủy cầm).	Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
4	Số 03 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra ngoài huyện	Quyết định số 4559/QĐ-BNN-TY ngày 03/11/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
5	Số 04 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân	Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
6	Số 05 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Cấp giấy phép khai thác gỗ và lâm sản khác cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Thông tư số 27 /2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
7	Số 06 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội.
8	Số 07 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cấp huyện.	Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

	UBND Thành phố		
9	Số 08 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán các công trình xây dựng trong lĩnh vực nông nghiệp.	Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội.
10	Số 09 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ dự án hỗ trợ nông nghiệp .	- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
11	Số 10 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định các dự án khuyến nông, khuyến ngư, mô hình trong nông nghiệp	- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ. - Thông tư 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.
12	Số 11 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán các công trình thủy lợi đầu tư vốn ngân sách nhà nước.	Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội.
13	Số 12 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Kiểm tra hồ sơ cấp bù thủy lợi phí.	- Nghị định 62/2018/NĐ-CP ngày 01/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số: 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ.
14	Số 13 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thẩm định hồ sơ cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ
15	Số 14 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do chủ rừng tự nguyện trả lại rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ

16	Số 15 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do rừng được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn mà không được gia hạn khi hết hạn đối với hộ gia đình, cá nhân.	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
17	Số 16 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do sau mười hai tháng liền kề từ ngày được giao, được thuê rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất để bảo vệ và phát triển rừng mà chủ rừng không tiến hành các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
18	Số 17 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do sau hai mươi bốn tháng liền kề từ ngày được giao, được thuê đất để phát triển rừng mà không tiến hành các hoạt động phát triển rừng theo kế hoạch, phương án đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (chủ rừng).	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
19	Số 18 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do rừng được giao, cho thuê không đúng thẩm quyền hoặc không đúng đối tượng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (chủ rừng)	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
20	Số 19 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do chủ rừng là cá nhân khi chết không có người thừa kế theo quy định của pháp luật.	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
21	Số 20 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của	Cải tạo rừng nghèo kiệt đối với hộ gia đình, cá nhân có diện tích dưới 5 ha	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.

	UBND Thành phố		
22	Số 21 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do sử dụng rừng không đúng mục đích, cố ý không thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (chủ rừng)..	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
23	Số 22 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do Nhà nước sử dụng rừng và đất để phát triển rừng do lợi ích công cộng, phát triển kinh tế theo quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt đối với hộ gia đình, cá nhân..	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
24	Số 23 mục VIII, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4045/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thu hồi rừng do Nhà nước sử dụng rừng và đất để phát triển rừng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia đối với hộ gia đình, cá nhân	- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH 14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội. - Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 20/11/2018 của Chính phủ.
<b>C</b>	<b>Thủ tục hành chính UBND cấp xã</b>		
	<b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b>		
1	Số 01 mục IX, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Giải quyết chế độ đối với xã viên	- Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội. - Nghị định 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ.
2	Số 02 mục IX, Lĩnh vực Nông nghiệp, phụ lục kèm theo Quyết định số 4046/QĐ-UBND ngày 31/8/2011 của UBND Thành phố	Thành lập/chấm dứt tổ hợp tác	Luật hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội.